

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ;

2/- Bà Nguyễn Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 428/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: bà Dương Thị C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông D có mặt, bà C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: ông và bà Dương Thị C chung sống với nhau vào năm 1986 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông và bà C đã ly thân nhau từ tháng 11/2017 đến nay không hàn gắn được.

Ông D yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị C.

Về con chung: giữa ông và bà C có 03 con chung Nguyễn Thị H sinh năm 1987, Nguyễn Văn X sinh năm 1990, Nguyễn Văn V sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Dương Thị C không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Ông D giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà C và xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài do không thống nhất với nhau về việc chi tiêu trong gia đình dẫn đến tranh cãi và đánh nhau, tuy sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau hơn một năm nay.

- Bà C vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Dương Thị C là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa ông D và bà C là hôn nhân thực tế và giải quyết yêu cầu ly hôn của ông D theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của ông Nguyễn Văn D xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông và bà C kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ, bà C không có văn bản phản đối yêu cầu của ông D, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà C thực tế có phát sinh như lời trình bày của ông D; bà C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ bà không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa bà và ông D.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà C không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà C.

[3]. Về con chung: Giữa ông D và bà C có 03 con chung đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: ông D không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: ông D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Dương Thị C.

2. Về án phí:

Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02011 ngày 18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT